TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/DS-PT
Ngày: 18-5-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Đặng Thị Đồng;

- Bà Phạm Thị Thanh Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 5 và ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị H, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp T, xã T T, huyện T B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1959, vắng mặt;

2. Chị Thăng Thị Thu H2, sinh năm 1983, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Anh Thăng Duyên V, sinh năm 1981; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Đinh Thái H3, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố A, Phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 09-8-2017); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Lê Ngọc Họa M, sinh năm 1986, vắng mặt; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Thái H3, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố A, Phường M, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 26-10-2017); có mặt.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A);

Địa chỉ trụ sở: Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng H4, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mậu Khiết T, Chức vụ: Giám đốc chi nhánh tỉnh Tây Ninh (Quyết định số: 964/TCQĐ-QTNNL.15 ngày 27-3-2015).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Mậu Khiết T: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1985; địa chỉ nơi làm việc: Khu phố M, Phường B, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản số: 24/UQ-TNI.17 ngày 14-9-2017); có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Phùng Thị H1, anh Thăng Duyên V là bị đơn.

4. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Hồ Thị H trình bày:

Chị có cho chị Thăng Thị Thu H2 và bà Phùng Thị H1 vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 08-9-2015 vay 70.000.000 đồng, ngày 26-11-2015 vay 60.000.000 đồng, ngày 08-01-2016 vay 30.000.000 đồng, ngày 04-5-2016 vay 100.000.000 đồng, ngày 23-8-2016 vay 100.000.000 đồng, tất cả các lần vay tiền chị H2 có làm giấy nợ bà H1 và chị H2 ký tên vào. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ, về tiền gốc thỏa thuận khi nào chị cần thì chị yêu cầu trước khoảng 01 tháng bà H1, chị H2 sẽ trả lại cho chị. Đến tháng 02-2017 chị yêu cầu chị H2 và bà H1 trả thì chị H2 và bà H1 hẹn đến cuối tháng 02-2017 sẽ trả cho chị cả gốc và lãi nhưng chị H2 và bà H1 không thực hiện.

Kể từ ngày chị yêu cầu bà H1 và chị H2 trả tiền, chị H2 và bà H1 không trả mà bà H1 lại ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2 thửa số

138, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh cho anh Thăng Duyên V là con ruột của bà H1, nhằm tẩu tán tài sản, sau khi bà H1 hoàn thành thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, anh Thăng Duyên V đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A chi nhánh huyện TB , tỉnh Tây Ninh (viết tắt A) vay số tiền 550.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị H2 và bà H1 có trách nhiệm hoàn trả cho chị số tiền vay gốc 360.000.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 09-6-2017 là ngày Tòa án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử sơ thẩm. Chị yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V vô hiệu.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Thăng Thị Thu H2 – anh Đinh Thái H3 trình bày:

Chị Thăng Thị Thu H2 và bà Phùng Thị H1 là mẹ con ruột ở chung nhà bà H1, chị H2 có vay tiền của chị Hồ Thị H nhiều lần cụ thể như chị H trình bày, tổng cộng 360.000.000 đồng là đúng. Tất cả các lần vay chị H2 có làm biên nhận viết tay đưa cho chị H giữ và bà H1 có ký vào biên nhận, nhưng bà H1 chỉ ký với tư cách là người làm chứng, riêng giấy nợ ngày 08-01-2016 bà H1 không ký tên. Khi vay, thỏa thuận lãi suất là 60.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng, chị H2 không thế chấp tài sản nào cho chị H. Chị H2 xác định đây là số tiền do chị vay của chị H, bà H1 không vay nên chị H2 đồng ý hoàn trả cho chị H số tiền nêu trên và lãi suất là 1%/tháng từ ngày 09-6-2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phùng Thị H1 - anh Đinh Thái H3 trình bày:

Các giấy nợ ngày 08-9-2015, ngày 26-11-2015, ngày 04-5-2016, ngày 23-8-2016 bà H1 có ký tên, nhưng bà H1 chỉ ký tên với tư cách là người làm chứng. Tất cả các giấy nợ đều do chị H2 viết, riêng số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 08-01-2016 bà H1 không ký tên vào giấy nợ này. Chị H yêu cầu bà H1 có trách nhiệm cùng chị H2 hoàn trả số tiền 360.000.000 đồng và tiền lãi bà H1 không đồng ý.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ 34, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh giữa bà H1 và anh V, bà H1 không đồng ý. Vì chị H cho rằng bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh V nhằm tẩu tán tài sản là không có căn cứ, bà H1 không vay tiền của chị H. Việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và anh V là hoàn toàn hợp pháp, không trái đạo đức xã hội và được công chứng tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh. Lý do bà H1 cho anh V quyền sử dụng đất nói trên là vì bà không ở địa phương, không có nhu cầu sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Thăng Duyên V – anh Đinh Thái H3 trình bày:

Bà Phùng Thị H1 là mẹ ruột của anh Thăng Duyên V, việc bà H1 và chị H2 có vay tiền của chị H hay không anh V hoàn toàn không biết. Chị H yêu cầu hủy

hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ 34, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh mà bà H1 tặng cho anh V, anh V không đồng ý, vì bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh V là hoàn toàn hợp pháp, được công chứng tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh. Sau khi được bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất, anh V đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A) chi nhánh huyện T B, tỉnh Tây Ninh để vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 14-3-2017 đến ngày 14-3-2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Ngọc Họa M – anh Đinh Thái H3 trình bày:

Chị Lê Ngọc Họa M là vợ của anh Thăng Duyên V. Chị Hồ Thị H yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ 34, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh giữa bà H1 và anh V, chị M không đồng ý, vì chị cho rằng bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh V là hoàn toàn hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền anh Trần Tuấn A trình bày:

Ngày 14-3-2017, Ngân hàng TMCP A và vợ chồng anh Thăng Duyên V, chị Lê Ngọc Họa M ký hợp đồng tín dụng số TBI.CN.407.130317 vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 14-3-2017 đến ngày 14-3-2018. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ngày 14-3-2017 anh V có ký hợp đồng thế chấp số TNI.BĐCN.220.130317, thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, đất có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH131305 do anh Thăng Duyên V đứng tên và thế chấp phần diện tích đất 251 m^2, thửa 81 tọa lạc tại ấp T N, xã T T có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH131803 do anh Thăng Duyên V đứng tên. Tính đến ngày 30-01-2018 anh V, chị M còn nợ tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 1.350.000 đồng, thời hạn trả cuối cùng là ngày 14-3-2018, đại diện Ngân hàng không yêu cầu anh V và chị M trả nợ trước hạn.

Chị Hồ Thị H yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V, đại diện Ngân hàng A không đồng ý, vì bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh V hoàn toàn hợp pháp. Thời điểm anh V ký kết hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng không phát sinh tranh chấp, không có bất kỳ bản án, quyết định nào của Tòa án cấm chuyển dịch tài sản hoặc buộc bà H1, chị H2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, chị H không có quyền yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V.

Bản án số: 04/2018/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 298, Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 124, Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H về "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Phùng Thị H1 và chị Thăng Thị Thu H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Hồ Thị H số tiền gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi 27.960.000 đồng (từ ngày 09-6-2017 đến ngày 01-02-2018). Tổng cộng gốc và lãi 387.960.000 (ba trăm tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của chị H về "Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V đối với phần diện tích đất 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ số 34, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH131305 (số vào sổ CS04254) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23-02-2017, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh vô hiệu. Quyền sử dụng phần đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ số 34 vẫn là tài sản của bà H1.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A) có nghĩa vụ hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH131305 (số vào sổ CS04254) do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23-02-2017, phần đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ số 34, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh cho bà H1 điều chỉnh lại cho đúng tên người sử dụng.

3. Về chi phí thẩm định tài sản: Buộc bà H1 và anh V có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền 300.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà H1 và chị H2 phải chịu 19.398.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc bà H1 và anh V phải chịu 300.000 đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị H 9.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí và 300.000 đồng đã nộp cùng ngày 09-6-2017.

Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

Ngày 09-02-2018, bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm; đánh giá sự phù hợp, khách quan của chứng cứ và áp dụng pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Phùng Thị H1 phải liên đới trả cho chị Hồ Thị H số tiền 360.000.000 đồng và lãi suất; không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V.

Ngày 28-02-2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST, ngày 01-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xác định lại nghĩa vụ liên đới đối với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 08-01-2016, tiền lãi và án phí theo quy định của pháp luật vì:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà H1 không đồng ý liên đới cùng chị H2 trả cho chị H tiền vay gốc 360.000.000 đồng và tiền lãi, vì toàn bộ số tiền do chị H2 vay, bà H1 chỉ ký tên người làm chứng; không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V, vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là hợp pháp; dù chị H2 hay bà H1 có vay tiền của chị H thì đây là giao dịch dân sự, các bên tự nguyện giao dịch, tự chịu rủi ro; khi bà H1 không có nhu cầu sử dụng đất thì bà H1 có quyền tặng cho quyền sử dụng đất.

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà H1 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh V là giả tạo nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị H nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu là không đúng; xác định tư cách tham gia tố tụng của anh V là bị đơn là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đánh giá lại chứng cứ liên quan đến việc vay tiền, không hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V, xem xét lại tiền lãi, án phí, chi phí thẩm định tài sản.

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định khi vay tiền bà H1 nói có nhà và đất nên chị mới cho vay tiền, chị H2 không có tài sản ở chung nhà với bà H1.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định: Anh Thăng Duyên V đã trả xong nợ cho Ngân hàng, ngày 08-01-2018 Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ số CH131803 và ngày 07-02-2018 trả Giấy chứng nhận QSDĐ số: CH 131305, thửa 138 cho anh Thăng Duyên V, chị Lê Ngọc Họa M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28-02-2018.

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Thăng Duyên V; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phùng Thị H1; chấp nhận kháng nghị số: 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28-02-2018 của VKSND tỉnh Tây Ninh; sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại nghĩa vụ liên đới đối với khoản vay 30.000.000 đồng, tiền lãi và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Thị H1, chị Thăng Thị Thu H2, anh Thăng Duyên V, chị Lê Ngọc Họa M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Phùng Thị H1 không đồng ý liên đới cùng chị Thăng Thị Thu H2 trả nợ cho chị Hồ Thị H số tiền 360.000.000 đồng và tiền lãi cho rằng chỉ ký tên là người làm chứng, thấy rằng:

+ Xét về việc vay tiền: Tại các biên nhận bút lục số 55, 56 có ghi bà H1 và chị H2 có mượn tiền của chị H, bà H1 và chị H2 ký tên trong biên nhận mượn tiền nên có căn cứ chấp nhận số nợ là 330.000.000 đồng; người đại diện theo ủy quyền của chị H2 xác định chị H2 có vay tiền của chị H tổng cộng 360.000.000 đồng, đồng ý trả gốc và lãi 1% như chị H yêu cầu (BL 171), tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm người đại diện (anh H3) xác định số tiền vay 360.000.000 đồng là do chị H2 vay, chị H2 đồng ý trả gốc, lãi 1%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm; trong các biên nhận không có ghi người làm chứng, ký tên như bà H1 và người đại diện trình bày. Như vậy, xét thấy không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà H1 và người đại diện khai bà H1 ký tên người làm chứng, có cơ sở xác định bà H1 và chị H2 vay của chị H số tiền là 330.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 và chị H2 liên đới trả nợ cho chị H là có căn cứ.

Riêng khoản vay 30.000.000 đồng ngày 08-01-2016 theo biên nhận chỉ có mình chị H2 ký tên, ghi họ và tên nên chỉ có cơ sở xác định chị H2 là người vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 liên đới cùng chị H2 trả tiền cho chị H là không phù hợp, Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định lại trách nhiệm đối với khoản vay này, buộc chị H2 trả cho chị H 30.000.000 đồng và tính lại tiền án phí cho phù hợp.

+ Xét về tiền lãi suất: Chị H khai lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/ tháng; chị H2 khai lãi suất thỏa thuận là 60.000 đồng/triệu/tháng; bà H1 không thừa nhận nợ. Như vậy, giữa các đương sự (chị H, chị H2, bà H1) không thống nhất thỏa thuận về mức lãi suất, có tranh chấp với nhau về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm tính 1%/tổng số tiền 360.000.000 đồng, buộc bà H1 và chị H2 trả là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về trả lãi, nhưng không rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Lãi suất cơ bản hiện nay là 9%/năm; 1 tháng là 0,75%. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm tính lại tiền lãi như sau:

Từ ngày 09/6/2017 đến ngày 01/02/2018 là 7 tháng 23 ngày x 0,75%/ tháng x 330.000.000 đồng = 19.222.500 đồng.

+ Đối với khoản vay 30.000.000 đồng 08-01-2016, chị H yêu cầu tính mức lãi suất 1%/tháng; người đại diện theo ủy quyền của chị H2 xác định chị H2 đồng ý trả tiền gốc là tiền lãi 1%/tháng như chị H yêu cầu. Tòa án cấp sơ thẩm tính mức

lãi suất phải trả 1% là phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 30.000.000 đồng x 7 tháng 23 ngày x 1% = 2.330.000 đồng.

Như vậy, bà H1 và chị H2 phải trả gốc và lãi là: 349.222.500 đồng; chị H2 phải trả gốc và lãi là 32.330.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V, thấy rằng: Theo các biên nhận tại các bút lục số 55, 56 có ghi bà H1 và chị H2 có mượn tiền của chị H, bà H1 và chị H2 ký tên, hai bên có thỏa thuận lãi. Như vậy, có căn cứ xác định bà H1 và chị H2 có vay tiền của chị H tổng cộng 330.000.000 đồng, khoản vay này bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H2 trả cho chị H; bà H1 hiện chỉ có duy nhất phần đất diện tích 300 m^2 thửa số 138, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại thị trấn Tân Biên, nhưng lại tặng cho anh V phần đất này, trong khi anh V đã có nhà, đất khác; tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của anh V xác định anh V không ở nhà trên đất được bà H1 tặng cho; bà H1 tặng cho đất sau khi ký tên vào các biên nhận nợ với chị H; ngoài phần đất này bà H1 không còn tài sản nào khác để thực hiện trả nợ cho chị H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H1 lập hợp đồng tặng cho anh V phần đất là nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho chị H, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H1 và anh V vô hiệu là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của bà H1 và anh V.

[4] Về chi phí thẩm định tài sản: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên bà H1 và anh V phải chịu chi phí thẩm định. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 và anh V chịu 300.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Chị H đã nộp xong nên bà H1 và anh V phải trả lại cho chị H.

[5] Đối với kháng cáo của anh Thăng Duyên V: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H1 liên đới trả cho chị H 360.000.000 đồng và lãi suất. Xét thấy, kháng cáo này không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về việc người đại diện theo ủy quyền (anh H3) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của anh V là bị đơn trong vụ án là không đúng, thấy rằng:

+ Ngày 09-6-2017, chị Hồ Thị H khởi kiện bà Phùng Thị H1 và chị Thăng Thị Thu H2 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; ngày 09-6-2017, chị Hồ Thị H khởi kiện bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V về "Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất". Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định nhập 2 vụ án lại.

+ Xem xét chứng cứ tại các bút lục số 55, 56 xét thấy có căn cứ xác định bà H1 và chị H2 có mượn tiền của chị H số tiền 330.000.000 đồng.

+ Tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *Bị đơn trong vụ án là người bị nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu giải quyết vụ án dân sự khi cho*

rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm. Chị H khởi kiện cho rằng bà H1 và chị H2 nợ tiền chị H chưa trả, hiện bà H1 chỉ có phần đất duy nhất nhưng lại tặng cho anh V, bà H1 không còn tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H, việc tặng cho tài sản này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh V là bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét kháng nghị số: 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1 về số tiền vay; không chấp nhận kháng cáo của anh V, bà H1 về việc không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; sửa án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới trả nợ, tiền lãi suất, án phí.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án sơ thẩm phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm phải chịu theo quy Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết này".

Đối chiếu theo quy định của pháp luật thì bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của anh V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phùng Thị H1; không chấp nhận kháng cáo của anh Thăng Duyên V; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 04/2018/DS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 298, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 124, Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc bà Phùng Thị H1 và chị Thăng Thị Thu H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hồ Thị H số tiền gốc 330.000.000 đồng và tiền lãi 19.222.500 đồng (từ ngày 09/6/2016 đến ngày 01/02/2018). Tổng cộng gốc và lãi 349.222.500 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Buộc chị Thăng Thị Thu H2 có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị H số tiền gốc 30.000.000 đồng và 2.330.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi 32.330.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị H về "Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 13-02-2017 giữa bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V đối với phần diện tích đất 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ số 34, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH131305 (số vào sổ CS04254) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23-02-2017 do anh Thăng Duyên V đứng tên, đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T B, huyện T B, tỉnh Tây Ninh vô hiệu. Quyền sử dụng phần đất diện tích 300 m^2, thửa 138, tờ bản đồ số 34 vẫn là tài sản của bà Phùng Thị H1.

Ghi nhận Ngân hàng TMCP Á Châu (A) chi nhánh Tây Ninh đã hoàn trả cho anh Thăng Duyên V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH131305 (số vào sổ CS04254) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23-02-2017.

3. Về chi phí thẩm định tài sản: Buộc bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V có trách nhiệm hoàn trả cho chị Hồ Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Hồ Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phùng Thị H1, chị Thăng Thị Thu H2 và anh Thăng Duyên V không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H1, chị H2, anh V còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phùng Thị H1 và chị Thăng Thị Thu H2 phải chịu 17.461.125 đồng (mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Thăng Thị Thu H2 phải chịu 1.616.500 đồng (một triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng) đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phùng Thị H1 và anh Thăng Duyên V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005000 ngày 12-02-2018.

Chị Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Hồ Thị H 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0004214 ngày 09-6-2017 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số: 0004215 ngày 09-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T B, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phùng Thị H1 không phải chịu.

Anh Thăng Duyên V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp theo Biên lai thu số 0004998 ngày 09-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T B, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDH. Tân Biên;
- CCTHADSH. T B;
- Phòng KTNV&THAHSTA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thị Tuyền